TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN 4** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 132/2022/DS-ST
Ngày 22/09/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Lệ Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 22/09/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/DSST ngày 20/06/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2022/QĐXXST-DS ngày 17/08/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 592/2022/QĐHPT-DS ngày 05/09/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1963. Cư trú số 438 (số cũ 70), đường Đ, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1974. Cư trú số A, đường H, phường I, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Bà Nguyễn Thị P trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 05/10/2021, bản tự khai ngày 10/12/2021, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 19/07/2022, ngày 11/08/2022 thể hiện: Ngày 14/08/2014, bà Nguyễn Thị Ngọc T có nhờ bà bảo lãnh cho bà T mua hàng với số tiền là 82 triệu đồng. Từ ngày 15/06/2014 đến cuối tháng 07/2014, bà T có trả cho bà được 22 triệu đồng, còn lại 60 triệu đồng (có giấy xác nhận) và từ đó cho đến nay bà T không trả dù rằng bà đã nhiều lần nhắc nợ. Nay bà

yêu cầu Tòa án buộc bà T phải trả ngay một lần cho bà số tiền 60 triệu đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 19/07/2022, ngày 11/08/2022 bà không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu tòa án thu thập thêm chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng.

1.3 Tại phiên tòa: Bà vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bà T phải trả ngay một lần cho bà số tiền 60 triệu đồng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà không yêu cầu tính lãi và cũng không có yêu cầu nào khác.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

3**.** Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh: (i) Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. (ii) Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét, đánh giá tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I.Về tố tụng:

1. Theo kết quả xác minh của công an quận A, thành phố Hồ Chí Minh bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1974. Cư trú số A, đường H, phường I, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điều 28 khoản 1, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Ngọc T đến Tòa án để viết bản khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Triệu tập bà Nguyễn Thị Ngọc T hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà Nguyễn Thị Ngọc T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa bà Nguyễn Thị Ngọc T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc T theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị P:

1.1 Buộc bà T phải trả cho bà số tiền 60 triệu đồng: Căn cứ giấy xác nhận có nội dung *"Bà Nguyễn Thị Ngọc T có mượn của bà Nguyễn Thị P số tiền là 60 triệu đồng",* do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Ngọc T có mượn bà Nguyễn Thị P 60 triệu đồng, nên yêu cầu của bà Nguyễn Thị P được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.2 Buộc bà T phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật: Hội đồng xét xử nhận thấy, Toà án không có thẩm quyền ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận. Mặt khác, yêu cầu của bà Nguyễn Thị P không đúng với quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị P được hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp án phí trên số tiền 60 triệu đồng.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 26 khoản 2, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm c, điều 186 điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều điều 166, điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Buộc bà Ngô Thị Ngọc T1 phải trả cho bà Nguyễn Thị P số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị P số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005126 ngày 25/11/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TANDTPHCM.
- VKSNDQ4
- CCTHAQ4.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiền

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 22/09/2022 , tại phòng nghị án tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt – Hội thẩm nhân dân
3. Bà Lê Thị Kim Lệ – Hội thẩm nhân dân

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/DSST ngày 20/06/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 520/2022/QĐXXST-DS ngày 17/08/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 592/2022/QĐHPT-DS ngày 05/09/2022

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh tụng của đương sự tại phiên toà, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 26 khoản 2, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm c, điều 186 điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều điều 166, điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Buộc bà Ngô Thị Ngọc Thủy phải trả cho bà Nguyễn Thị Phượng số tiền là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 khoản 4 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy phải nộp 3.000.000 (ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị Phượng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.500.000 (một triệu năm trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005126 ngày 25/11/2021 của chi cục thi hành án dân sự quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Phượng được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy được quyền kháng cáo bản

án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét đã đọc lại biên bản và ký tên.